

Số: /QĐ-UBND

Thị trấn Hà Trung, ngày 12 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN HÀ TRUNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ thông tư số 344/2016/TT- BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý Ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn:

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ quy định về quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị Quyết số 232/2019/NQ- HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh hóa về chức danh, số lượng, người hoạt động không chuyên trách, ở cấp xã, chức danh số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố, mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố ;

Căn cứ Quyết định số: 13399 /QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Hà Trung về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và ngân sách xã, thị trấn năm 2022;

Căn cứ thông báo số: 01 /TB- TCKH ngày 04/ 01 /2022 của Phòng tài chính-kế hoạch huyện Hà Trung về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước, thu ngân sách thị trấn năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số: 22 /NQ- HĐND ngày 08 /01/2022 của HĐND Thị trấn Hà Trung;

*Căn cứ nhiệm vụ thu, chi Ngân sách năm 2022 của UBND Thị trấn Hà Trung;
Theo đề nghị của công chức Tài chính- Kế toán Thị trấn Hà Trung*

QUYẾT ĐỊNH

Điều I. Giao dự toán năm 2022 cụ thể như sau:

A.	TỔNG THU: (ĐV tính đồng)	87.640.806.000
I.	Các khoản thu hưởng 100%:	940.500.000

1.	Phí , lệ phí:	17.000.000
2.	Thu từ quỹ đất công ích	200.000.000
2.	Phí vệ sinh môi trường:	700.000.000
3.	Thu phạt hành chính:	23.500.000
II.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %:	73.437.521.000
1.	Phí môn bài 1 - 6:	130.000.000
2.	Tiền cấp quyền sử dụng đất:	69.840.000.000
3.	Lệ phí trước bạ:	457.521.000
4.	Thuế công thương nghiệp:	975.650.000
5.	Tiền thuê mặt đất:	950.250.000
6.	Thuế sử dụng đất phi NN:	360.000.000
7.	Thuế thu nhập cá nhân	690.900.000
8.	Phí BV MT khai thác khoáng sản	10.000.000
9.	Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.000.000
10.	Tiền phạt nộp chậm thuế	15.200.000
III.	Thu bổ sung từ NS cấp trên:	4.997.979.000
1.	Trợ cấp cân đối:	4.997.979.000
IV.	Thu chuyển nguồn	8.264.806.000
B.	TỔNG CHI: (ĐV tính đồng)	87.640.806.000
I.	Chi thường xuyên:	9.170.000.000
1.	Sự nghiệp xã hội:	550.000.000
2.	Sự nghiệp giáo dục:	60.000.000
3.	Sự nghiệp y tế, dân số:	10.000.000
4.	Sự nghiệp thể dục, thể thao:	70.000.000
5.	Sự nghiệp VH TT, truyền thanh:	180.000.000
6.	Sự nghiệp Kinh tế:	1.300.000.000
7.	Sự nghiệp môi trường	1.260.000.000
8.	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể:	5.130.000.000
8.1.	Chi QLNN:	2.980.000.000
8.2.	Hoạt động HĐND:	365.000.000
8.3.	Hoạt động công tác Đảng:	765.000.000
8.4.	Hoạt động công tác MTTQ:	325.000.000
8.5.	Hoạt động đoàn TNCSHCM:	175.000.000
8.6.	Hoạt động hội Phụ nữ:	130.000.000
8.7.	Hoạt động hội nông dân:	130.000.000
8.8.	Hoạt động hội Cựu chiến binh:	140.000.000
8.9.	Hoạt động 10 cụm dân cư:	120.000.000

9.	Hoạt động công tác QP	280.000.000
10.	Hoạt động CA, ANTT:	190.000.000
11.	Chi các tổ chức xã hội khác	140.000.000
II.	Chi đầu tư phát triển:	78.132.806.000
	- <i>Chi đầu tư XD CB .</i>	<i>27.100.000.000</i>
	- <i>Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng khu dân cư.</i>	<i>51.032.806.000</i>
1.	Công trình trả nợ:	7.140.000.000
2.	Công trình khởi công XD mới:	70.992.806.000
III.	Chi dự phòng:	338.000.000

(Chi tiết dự toán Ngân sách năm 2022 có biểu mẫu kèm theo)

Điều II. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được giao, giao cho công chức Tài chính- Kế toán Thị trấn, các tổ chức, bộ phận liên quan tổ chức thực hiện đúng dự toán và Luật Ngân sách quy định, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- KBNN,TC;
- Đảng uỷ, HĐND Thị trấn; (B/c)
- Lưu VP, TCKT.

CHỦ TỊCH

Cù Văn Hân